

33. Mệnh đề thể hiện sự nhượng bộ

Đó là loại mệnh đề diễn đạt hai ý trái ngược trong cùng một câu.

33.1 Despite/In spite of (bất chấp, cho dù, ...)

Đằng sau hai cụm từ này phải dùng một danh từ hoặc ngữ danh từ, không được dùng một câu hoàn chỉnh.

Despite his physical handicap, he has become a successful businessman.

In spite of his physical handicap, he has become a successful businessman.

Jane will be admitted to the university in spite of her bad grades.

Jane will be admitted to the university despite her bad grades.

33.2 Although/Even though/Though (mặc dầu)

Đằng sau 3 cụm từ này phải dùng một mệnh đề hoàn chỉnh (có cả chủ ngữ và động từ), không được dùng một danh từ.

Although he has a physical handicap, he has become a successful businessman.

Jane will be admitted to the university even though she has bad grades.

Nếu though đứng một mình, cuối câu, tách biệt khỏi câu chính bởi dấu phẩy thì nó mang nghĩa tuy nhiên.

He promised to call me, till now I haven't received any call from him, though.

33.3 However + adj + S + linkverb = dù có đi chăng nữa thì

However strong you are, you can't move this rock.

33.4 Although/ Albeit + Adjective/ Adverb/ Averbial Modifier

Her appointment was a significant, although/ albeit temporary success.

Việc bà ấy được bổ nhiệm là một thành công quan trọng, nhưng đầu sao cũng chỉ là nhất thời)

Her performed the task well, although/ albeit slowly

Anh ta thực hiện nhiệm vụ đó khá tốt, tuy rằng chậm.